Biểu số 1- Ban hành theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Chi cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Chương: 018

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 29 /QĐ-CCTK ngày 09 /6/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Cơ quan Chi cục	Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí**									
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.407.139.000**	**16.407.139.000**	**15.377.024.000**	**1.030.115.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**16.407.139.000**	**16.407.139.000**	**15.377.024.000**	**1.030.115.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**16.407.139.000**	**16.407.139.000**	**15.377.024.000**	**1.030.115.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.407.139.000	16.407.139.000	15.377.024.000	1.030.115.000	0	0	0	0	0
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**									
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy ngh**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
4	**Chi hoạt động kinh tế**									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
II	**Nguồn viện trợ**									